

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 167/2022/HSST

Ngày: 28/09/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Hữu Đệ.**

2. Ông Hoàng Hường Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Lê Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28/09/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 147/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 09 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 09 năm 2022. Đối với:

I- Các bị cáo:

Họ và tên: **D**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1986; Tại: Hà Nội; HKTT: Thôn T, xã T, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Họ tên bố: H; sinh năm: 1964; Họ tên mẹ: N; sinh năm: 1966; Họ tên vợ: L; sinh năm 1993 (đã ly hôn); Họ tên con: A; sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giam từ ngày 13/7/2022 tại Trại giam số 1 – Công an Thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

II- Người bị hại:

Anh T - Sinh năm 1987. Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Xin vắng mặt tại phiên tòa.

III- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- **Anh H** - Sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Xin vắng mặt tại phiên tòa.

IV – Người làm chứng:

1- **Anh G** – Sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Xin vắng mặt tại phiên tòa.

2- **Bà N** – Sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Xin vắng mặt tại phiên tòa.

3- **Anh C** – Sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/5/2022, anh T (sinh năm 1987; trú tại: Thôn T, xã H, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội) có đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đông Anh về việc: Khoảng 11h ngày 10/5/2022 anh cho D mượn chiếc xe ô tô Hyundai I30, sơn màu đỏ, BKS: 29A – 647.11 hẹn đến 13h30' cùng ngày phải trả lại. Đến giờ hẹn D không trả xe cho anh.

Nhận được đơn trình báo của anh T, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Đông Anh xác định được như sau:

Khoảng 10h00' ngày 10/5/2022, D đang bảo vệ tại trang trại thuộc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại D. Công ty có trang trại địa chỉ tại thôn V, xã V, Đông Anh, Hà Nội liên lạc với anh T hỏi mượn xe ô tô để về nhà ăn cơm trưa. Anh T đồng ý. Khoảng 11h00' cùng ngày, anh T điều khiển xe ô tô Hyundai I30, sơn màu đỏ, BKS: 29A – 647.11 đến trang trại giao xe cho D, nói đúng 13h30' cùng ngày phải trả xe. D đồng ý, điều khiển ô tô về nhà. Trên đường đi, D nhận được điện thoại từ tổng đài của phần mềm cho vay tiền qua mạng (không nhớ tên phần mềm, không nhớ số điện thoại) nhắc trả khoản nợ khoảng hơn 100.000.000 đồng do D vay từ khoảng tháng 4/2019, nên D nảy sinh ý định mang xe ô tô của anh T đi cầm cố lấy tiền trả nợ. D liên hệ với anh C (sinh năm 1985, trú tại Khu 6, thôn T, xã T, huyện Đông Anh, TP Hà Nội – là chú họ của D) nhờ tìm nơi cầm cố. Anh C giới thiệu D với anh G (sinh năm 1984, trú tại thôn K, xã K, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội). D liên hệ gặp anh G tại vỉa hè trước cửa hàng Đồ gỗ mỹ nghệ cao cấp P thuộc Khu Đ, thôn D, xã V,

huyện Đông Anh, TP Hà Nội để xem xe. Sau khi xem xe cùng bộ giấy tờ xe gồm 01 giấy đăng ký xe, 01 đăng kiểm xe, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm (gọi tắt là giấy tờ xe) bên trong cốp để đồ trong xe. Sau đó, D viết giấy bán xe cho anh G với nội dung xe ô tô trên của D mua cũ đang làm thủ tục sang tên, bán cho anh H (sinh năm 1995, trú tại thôn L, xã T, Đông Anh, Hà Nội) với giá 200.000.000 đồng, nhận trước 150.000.000 đồng, 15 ngày sau sẽ hoàn tất thủ tục sang tên xe, ký hợp đồng mua bán công chứng và thanh toán nốt 50.000.000 đồng. D viết giấy xong thì ký tên, điểm chỉ 02 ngón tay cái trên giấy bán xe rồi giao cho anh G giữ. Anh G, nhận xe, giấy tờ xe, giấy bán xe, căn cước công dân của anh D rồi trả cho anh D 150.000.000 đồng trong đó có 84.500.000 đồng tiền mặt còn 65.500.000 anh G chuyển khoản từ số tài khoản VP Bank 55144311 của anh G đến số tài khoản TP Bank 05196294301 của D. Việc giao nhận tiền, xe không có người chứng kiến. Số tiền trên D trả nợ cho các tài khoản vay tiền qua mạng khoảng hơn 100.000.000 đồng, trả cho anh C 20.000.000 đồng do D vay trước đó, số còn lại D trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Ngày 8/6/2022, Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu Phòng PC 09 – CATP Hà Nội giám định chữ viết, chữ ký trên giấy bán xe tạm giữ của H. Ngày 22/6/2022 Phòng PC 09 – CATP Hà Nội có kết luận giám định số 3938/KL-KTHS, kết luận: Chữ viết, chữ ký trên giấy bán xe là chữ do D viết, ký ra.

Ngày 28/6/2022, Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu Phòng PC 09 – CATP Hà Nội giám định đối với 02 dấu in đường vân trên giấy bán xe tạm giữ của H. Ngày 19/7/2022, Phòng PC – 09 CATP Hà Nội có kết quả giám định số 4997/KL-KTHS, kết luận: 02 dấu in đường vân trên giấy bán xe là dấu in đường vân ngón cái trái và ngón cái phải của D.

Ngày 19/5/2022, Hội đồng Định giá thường xuyên đề định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đông Anh kết luận ô tô Hyundai i30, BKS 29A-647.11 trị giá 385.000.000 đồng.

Vật chứng tạm giữ:

- Của anh H:
- + 01 xe ô tô Hyundai i30, BKS 29A-647.11, số máy: 667342, số khung: 059664
- + 01 giấy đăng ký xe ô tô số 606306, của xe BKS 29A-647.11
- + 01 giấy đăng kiểm xe ô tô số DA1144892 của xe ô tô BKS 29A-647.11
- + 01 giấy chứng nhận điện tử Bảo hiểm của xe ô tô BKS 29A-647.11
- + 01 giấy bán xe lập ngày 10/5/2022
- + 01 căn cước công dân của D

- Của bà N (sinh năm: 1966, trú tại: Khu 6, thôn T, xã T, Đông Anh, Hà Nội – là mẹ của D): 150.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra D không thừa nhận việc bán xe cho anh G mà chỉ cầm cố xe cho anh G với giá 150.000.000 đồng, lãi suất 4.500.000 đồng/ 150.000.000 đồng/ 15 ngày. Sau đó anh G yêu cầu bị can D viết giấy bán xe với nội dung như trên. Ngoài lời khai của D không còn tài liệu nào thể hiện D cầm cố xe cho anh G. Do vậy không có căn cứ kết luận D vay lãi số tiền 150.000.000 đồng và cầm cố xe cho anh G. Hành vi D bán xe cho anh H đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Đối với xe ô tô Hyundai I30 BKS 29A-647.11, số máy: 667342, số khung: 059664. Kết quả tra cứu xác định xe không nằm trong dữ liệu xe vật chứng của Bộ Công an, xe đăng ký chính chủ mang tên anh T. Đối với 01 giấy đăng ký xe ô tô số 606306, 01 giấy đăng kiểm xe ô tô số: DA1144892, 01 giấy chứng nhận điện tử bảo hiểm đều của xe ô tô BKS 29A-647.11 và mang tên của anh T do anh T được cấp để quản lý và sử dụng. Ngày 26/5/2022, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu, trao trả lại xe ô tô BKS 29A-647.11 cùng toàn bộ giấy tờ xe cho anh T.

Đối với số tiền 150.000.000 đồng là số tiền bà N tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả do D gây ra. Ngày 26/5/2022 Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu, trao trả số tiền trên cho anh H.

Đối với giấy bán xe lập ngày 10/5/2022 mang tên D là vật chứng của vụ án, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ chuyển cùng hồ sơ vụ án để phục vụ xét xử.

Đối với căn cước công dân của bị can D là giấy tờ cá nhân của D được cấp để sử dụng. Ngày 01/7/2022, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu, trao trả căn cước công dân trên cho D.

Đối với anh G, anh C và anh H không biết xe D bán cho anh H là tài sản do D phạm tội mà có nên không đề cập để xử lý.

Về phân dân sự:

Anh T không yêu cầu bồi thường gì, đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự với bị can D.

Anh H yêu cầu bị can D bồi thường 50.000.000 đồng do phá vỡ hợp đồng mua bán xe ô tô.

Tại bản cáo trạng số 151/CT-VKS-ĐA ngày 09/9/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

+ Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo, người bị hại, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo D theo tội danh và điều luật đã viện dẫn theo bản Cáo trạng số 151/CT-VKS-ĐA ngày 09/9/2022, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: D từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Về bồi thường dân sự: Người bị hại là anh T đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì về bồi thường, nên không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh H có yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 50.000.000 đồng: Xác định Hợp đồng mua bán giữa bị cáo với anh H là trái pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu của anh H.

Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

+ Tại phiên tòa bị cáo D thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

+ Anh T là người bị hại: Anh xác nhận đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác. Anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Anh, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo D tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản thu giữ vật chứng, bản kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự (PC09) - Công an Thành phố Hà Nội và các tài liệu,

chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11h ngày 10/5/2022 tại thôn V, xã V, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, D có hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của anh T chiếc xe ô tô Hyundai I30, sơn màu đỏ, BKS : 29A-647.11, trị giá tài sản chiếm đoạt là 385.000.000 đồng. Do vậy hành vi của bị cáo D đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và phù hợp qui định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự trị an. Bị cáo D là người đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức được hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng do cần tiền tiêu xài, lười lao động, nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương, đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên khi quyết định hình Hội đồng xét xử có xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[4.1] Về nhân thân, tiền án, tiền sự của bị cáo: Bị cáo chưa có tiền án và có nhân thân tốt.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có sự tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, bị cáo D có bà nội được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng bị cáo đã ly hôn, hiện tại đang phải trực tiếp nuôi dưỡng con nhỏ 6 tuổi, bố đẻ bị bệnh tai biến mạch máu não, nằm liệt giường, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Bị cáo phạm tội do bột phát, không có sự chuẩn bị từ trước, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được qui định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2

Điều 51 Bộ luật hình sự, do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy có thể áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên kề nhẹ hơn của điều luật cũng đủ tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung, đồng thời cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có công việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Đối với lời khai của bị cáo D về việc D chỉ cầm cố xe ô tô cho anh G với giá là 150.000.000 đồng, lãi suất 4.500.000 đồng/150.000.000 đồng/15 ngày, sau đó G yêu cầu D viết giấy bán xe cho anh H. Ngoài lời khai của D không còn tài liệu nào thể hiện D cầm cố xe cho anh G. Do vậy cơ quan điều tra không có cơ sở kết luận việc D vay lãi số tiền 150.000.000 đồng và cầm cố chiếc xe ô tô cho anh G. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với anh G, anh C và anh H không biết xe D bán cho anh H là tài sản do D phạm tội mà có, nên không đề cập xử lý.

[9] Xử lý vật chứng:

[9.1] Đối với chiếc xe ô tô Hyundai I30, BKS: 29A-647.11, kết quả tra cứu xác định xe không nằm trong dữ liệu xe vật chứng của Bộ Công An, xe đăng ký chính chủ mang tên anh T. Đối với 01 giấy đăng ký xe ô tô số 606306, 01 giấy đăng kiểm xe ô tô số DA 1144892, 01 Giấy chứng nhận điện tử bảo hiểm đều của xe ô tô BKS: 29A-647.11 và mang tên anh T, do anh T được cấp để quản lý, sử dụng. Ngày 26/5/2022 Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu trao trả lại xe ô tô BKS 29A-647.11 cùng toàn bộ giấy tờ xe cho anh T là có căn cứ, do vậy nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9.2] Đối với số tiền 150.000.000 đồng bị cáo tự nguyện tác động nhờ bà N giao nộp để khắc phục hậu quả do bị cáo gây ra. Ngày 26/5/2022 Cơ quan điều tra đã Quyết định xử lý trao trả số tiền trên cho anh H là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9.3] Đối với giấy bán xe lập ngày 10/5/2022 mang tên D là vật chứng vụ án, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[9.4] Đối với căn cước công dân mang tên D là giấy tờ cá nhân của D được cấp để sử dụng, ngày 01/7/2022 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý trao trả cho D là hoàn toàn có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về bồi thường dân sự:

[10.1] Anh T đã nhận lại chiếc xe ô tô Hyundai I30, BKS: 29A-647.11,

không có yêu cầu gì. Do vậy nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10.2] Anh H đã nhận đủ số tiền 150.000.000 đồng do bà N nộp khắc phục hậu quả cho bị cáo D. Anh H yêu cầu bị cáo D phải bồi thường 50.000.000 đồng do bị cáo D đã phá Hợp đồng mua bán xe ô tô. Xét thấy Hợp đồng mua bán xe ô tô giữa D và anh H là trái pháp luật, bị cáo D đã khắc phục hậu quả trả lại cho anh H toàn bộ số tiền đã nhận là đúng qui định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu bồi thường 50.000.000 đồng của anh H.

[11] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo D, người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 3 Điều 175; Điều 54; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **D 03 năm** (Ba năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/7/2022.

+ ***Về hình phạt bổ sung:*** Không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

+ ***Về bồi thường dân sự:*** Người bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì khác, nên Tòa án không xét.

Không chấp nhận yêu cầu bồi thường số tiền 50.000.000 đồng của anh H.

+ ***Về án phí:***

- Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điểm 1 mục I phần A - Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016).

Bị cáo D phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

+ ***Về quyền kháng cáo:***

- Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Anh;
- VKSND TP. Hà Nội;
- Cơ quan THA huyện Đông Anh;
- Công an huyện Đông Anh;
- CA X.Thủy Lâm, H.Đông Anh, TP. Hà Nội;
- UBND X. Thủy Lâm, H.Đông Anh, TP. Hà Nội;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu./.

Phạm Thị Thu Huyền

